

TCVN

TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

TCVN 4607:2012

Xuất bản lần 2

**HỆ THỐNG TÀI LIỆU THIẾT KẾ XÂY DỰNG –
KÝ HIỆU QUY ƯỚC TRÊN BẢN VẼ
TỔNG MẶT BẰNG VÀ MẶT BẰNG THI CÔNG CÔNG TRÌNH**

System of building design documents –

Conventional symbols on drawings of master plan and construction plan

HÀ NỘI – 2012

Mục lục

1	Phạm vi áp dụng	5
2	Ký hiệu quy ước.....	5

Lời nói đầu

TCVN 4607 : 2012 thay thế TCVN 4607 : 1988.

TCVN 4607 : 2012 được chuyển đổi từ TCVN 4607 : 1988 theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và điểm b), khoản 1, điều 6 Nghị định 127/2007/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.

TCVN 4607 : 2012 do Viện Kiến trúc, Quy hoạch Đô thị và Nông thôn - Bộ Xây dựng biên soạn, Bộ Xây dựng đề nghị, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thẩm định, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

Hệ thống tài liệu thiết kế xây dựng-

Ký hiệu quy ước trên bản vẽ tổng mặt bằng và mặt bằng thi công công trình

System of building design documents.

Conventional symbols on drawings of master plan and construction plan

1 Phạm vi áp dụng




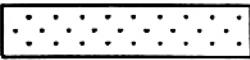

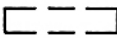

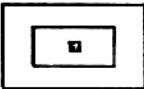
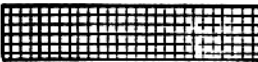
Tiêu chuẩn này quy định những ký hiệu quy ước thể hiện bản vẽ tổng mặt bằng và mặt bằng thi công.

2 Ký hiệu quy ước

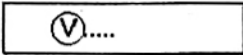


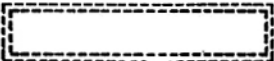
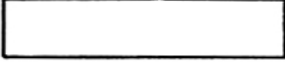
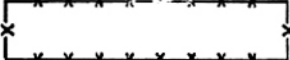
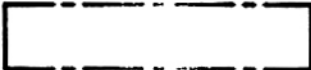
Các ký hiệu quy ước thể hiện bản vẽ tổng mặt bằng và mặt bằng thi công được quy định trong Bảng 1.

CHÚ THÍCH: Trường hợp sử dụng các ký hiệu không có trong Bảng 1 phải chú thích trên bản vẽ.

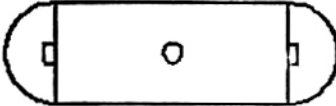
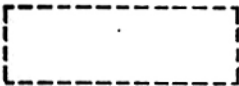
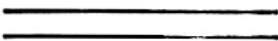
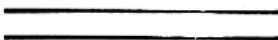
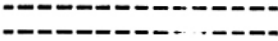



Bảng 1 - Các ký hiệu quy ước

Tên ký hiệu	Ký hiệu	Chú thích
1 Cây có tán, ký hiệu chung trên mặt bằng		
2 Cây cảnh trang trí, ký hiệu chung trên mặt bằng		
3 Bụi cây, hàng rào cây		
4 Thảm cỏ		
5 Đường đi lát đá		
6 Ghé đá		
7 Bể phun nước		
8 Tượng đài		
9 Quảng trường		

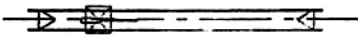



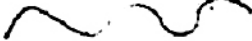
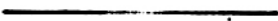

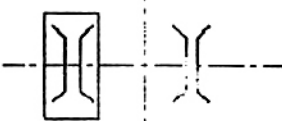
Bảng 1 (Tiếp theo)

Tên ký hiệu	Ký hiệu	Chú thích
10 Nhà hay công trình mới thiết kế		Đường bao quanh hình vẽ bằng nét liền đậm. Số thứ tự của công trình ghi bằng số La Mã ngay chính giữa trong một vòng tròn nhỏ. Số tầng của công trình ghi bằng chữ số Ả Rập ngay cạnh vòng tròn hoặc bằng các dấu chấm
11 Nhà hay công trình hiện có, giữ lại		Các đường gạch chéo được thể hiện bằng nét liền mảnh. Gạch chéo cách nhau 3 mm.
12 Nhà hay công trình hiện có cần sửa chữa		Các đường gạch chéo được thể hiện bằng nét đứt mảnh. Gạch chéo cách nhau 3 mm.
13 Nhà hay công trình đặt ngầm dưới đất		
14 Nhà tạm dùng cho thi công, sẽ dỡ bỏ		
15 Nhà hay công trình hiện có cần dỡ bỏ		
16 Khu vực đất để mở rộng công trình		Nét gạch chấm đậm

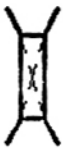
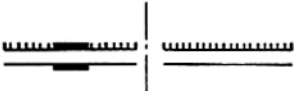
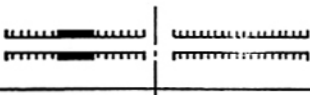

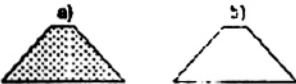



Bảng 1 (Tiếp theo)

Tên ký hiệu	Ký hiệu	Chú thích
17 Sân vận động		Trên bản vẽ tỷ lệ 1:5 000. Trường hợp bản vẽ có tỷ lệ lớn hơn 1:5 000 phải thể hiện chi tiết
18 Sân bãi chứa vật liệu ngoài trời		
19 Đường ô tô		Ký hiệu này cũng quy ước thể hiện đường vĩnh cửu đã làm xong
a) Đường dự định xây dựng		
b) Đường hiện có		
c) Đường tạm thời		
20 Đường sắt		
a) Đường cỡ tiêu chuẩn hiện có		
b) Đường cỡ tiêu chuẩn dự định xây dựng		
21 Đường cản trục		




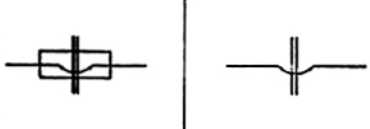
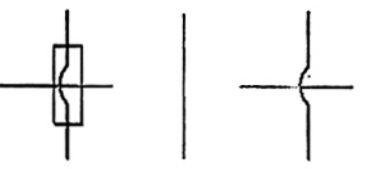
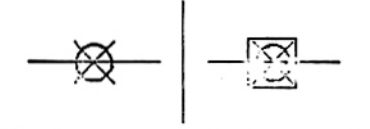
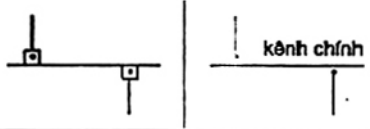
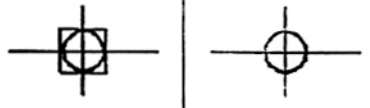
Bảng 1 (Tiếp theo)

Tên ký hiệu	Ký hiệu	Chú thích
22 Đường cần trục và cần trục tháp		
23 Sông ngòi thiên nhiên		
24 Hồ ao		
a) Hồ ao thiên nhiên		
b) Hồ ao nhân tạo		
25 Kênh		
a) Hiện có		
b) Dự định xây dựng		
26 Cầu qua sông		
27 Cầu qua kênh		

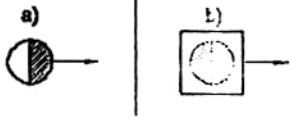
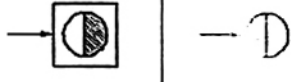

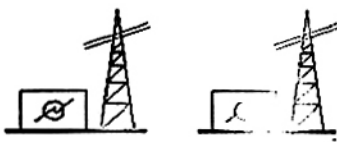
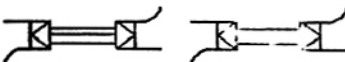

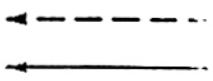

Bảng 1 (Tiếp theo)

Tên ký hiệu	Ký hiệu	Chú thích
28 Cầu cạn		
29 Bờ vùng		
30 Đê		
31 Mái dốc (taluy)		
32 Đập đất		
33 Đập đá đổ		
34 Đập bê tông		a) Ký hiệu cho công trình dự kiến xây dựng; b) Ký hiệu cho công trình hiện có.
35 Đập tràn có cửa van		

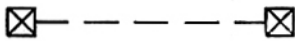
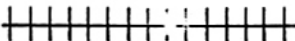
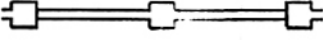

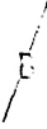
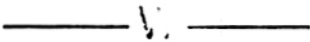
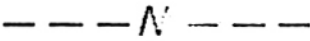
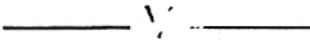
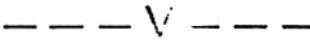

Bảng 1 (Tiếp theo)

Tên ký hiệu	Ký hiệu	Chú thích
36 Cống đầu mối		
a) Cống tưới		
b) Cống tiêu		
c) Cống tưới tiêu kết hợp		
37 Cống luồn dưới đường		
38 Cống luồn dưới kênh		
39 Cống điều tiết trên kênh		
40 Cống lấy nước trên kênh		<p>kênh chính</p>
41 Cống tiêu nước dưới kênh		





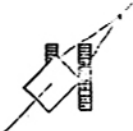
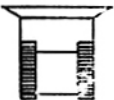
Bảng 1 (Tiếp theo)

Tên ký hiệu	Ký hiệu	Chú thích
42 Trạm bơm		
a) Tưới		
b) Tiêu		
c) Tưới tiêu kết hợp		
43 Trạm thủy điện		
44 Âu tàu		
45 Công trình thả cá		
46 Mũi tên chỉ hướng thi công		Mũi tên tô đen, góc nhọn đầu mũi tên bằng 60°
47 Mũi tên chỉ công ra vào		Mũi tên có thể tô đen hay để trắng, đầu mũi tên được thể hiện bằng góc vuông 90° hoặc góc tù 120°

Bảng 1 (Tiếp theo)

Tên ký hiệu	Ký hiệu	Chú thích
48 Cổng		
49 Hàng rào tạm		
50 Hàng rào cố định		
51 Hoa gió trên mặt bằng		
52 Hướng trên bản đồ trắc địa		
53 Đường điện cao thế		
a) Nổi		
b) Ngầm		
54 Đường điện hạ thế		
a) Nổi		
b) Ngầm		
55 Đường điện thoại		

Bảng 1 (Kết thúc)

Tên ký hiệu	Ký hiệu	Chú thích
56 Trạm biến thế tạm thời		
57 Đèn pha (dùng cho thi công)		
58 Máy vận chuyển lên cao		
59 Trạm trộn bê tông (máy)		
60 Máy đào đất		
61 Máy ủi đất		
62 Ô tô vận chuyển	